

Số: 1039/QĐ-ĐHQB

Quảng Bình, ngày 05 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định thực hiện hoạt động đối sánh
chất lượng giáo dục của Trường Đại học Quảng Bình**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

Căn cứ Quyết định số 237/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 1699/NQ-HĐTĐHQB ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Quảng Bình về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thực hiện hoạt động đối sánh chất lượng giáo dục của Trường Đại học Quảng Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Tổ chức - Hành chính, Trường các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Website trường;
- Lưu: VT, TCHC.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Đức Vượng

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Thực hiện hoạt động đối sánh chất lượng giáo dục của Trường Đại học Quảng Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1039/QĐ-DHQB ngày 15 tháng 6 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định này quy định hình thức, đối tác, nội dung và quy trình thực hiện hoạt động đối sánh chất lượng giáo dục của Trường Đại học Quảng Bình.
- Quy định này áp dụng đối với các đơn vị thuộc Trường; viên chức và người lao động đang làm việc tại Trường Đại học Quảng Bình.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- Đối sánh là hoạt động đối chiếu và so sánh chất lượng các hoạt động của Trường với cơ sở giáo dục đại học tương đương khác, chất lượng chương trình đào tạo của Trường với chương trình đào tạo khác tương đương được lựa chọn. Đối sánh bao gồm đối sánh nội bộ và đối sánh ngoài. Đối sánh ngoài bao gồm đối sánh trong nước và đối sánh nước ngoài.
- Chất lượng giáo dục là sự đáp ứng các mục tiêu mà Trường đề ra, đáp ứng yêu cầu của Luật Giáo dục đại học, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đất nước.
- Cải tiến là hoạt động được thực hiện thường xuyên để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong hoạt động và các chương trình đào tạo của Trường (được xác định sau đối sánh/tự đánh giá/đánh giá ngoài) nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu của hoạt động đối sánh

- Hoạt động đối sánh được thực hiện nhằm đánh giá đúng thực trạng chất lượng của Trường và của các chương trình đào tạo của Trường, làm căn cứ để xây dựng các giải pháp cải tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

2. Kết quả hoạt động đối sánh phải thể hiện được tính chính xác, trung thực, khách quan và đầy đủ các thông tin theo yêu cầu của cải tiến chất lượng và phải có tính khả thi.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện hoạt động đối sánh

1. Việc đối sánh được thực hiện định kỳ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; số liệu đối sánh phải tương ứng về thời gian.

2. Đối tác lựa chọn để đối sánh chất lượng các hoạt động của Trường là cơ sở giáo dục đại học trong nước có sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục tương đương, có số liệu đối sánh tương ứng về mặt thời gian.

3. Đối tác lựa chọn để đối sánh chất lượng các chương trình đào tạo bao gồm các chương trình đào tạo của Trường, các chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước có quy mô tương đương, có số liệu đối sánh tương ứng về mặt thời gian.

4. Khuyến khích lựa chọn các đối tác có chỉ số đối sánh ở mức cao hơn, tạo động lực phấn đấu nâng cao chất lượng đào tạo.

5. Ngoài việc đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học, chương trình đào tạo khác, Trường còn phải thực hiện tự đối sánh chất lượng các hoạt động nội bộ, chất lượng các chương trình đào tạo giữa các năm.

Chương II HÌNH THỨC, ĐỐI TÁC VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG ĐỐI SÁNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Điều 5. Hình thức đối sánh

1. Đối sánh nội bộ: Là hình thức đối sánh số liệu giữa các đơn vị thuộc Trường theo định kỳ mỗi năm học, giữa các ngành thuộc lĩnh vực hoạt động của Trường. Hoạt động đối sánh nội bộ do các đơn vị thuộc Trường phối hợp thực hiện theo quy trình.

2. Đối sánh ngoài: Là hình thức lựa chọn một số tiêu chí của Trường đối sánh với CSGD đại học tương đương về ngành đào tạo, quy mô đào tạo, thời gian và vị trí địa lý, theo định kỳ nhằm cải tiến hoạt động của Trường. Hoạt động đối sánh ngoài do các đơn vị thuộc Trường dưới sự chủ trì của Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục tổ chức thực hiện theo quy trình đối sánh ngoài.

Điều 6. Đối tác thực hiện đối sánh

1. Tiêu chí lựa chọn đối tác đối sánh trong nước

a) Là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân; thuộc loại hình trường đại học công lập, đại học địa phương;

b) Có tính đại diện về địa lý và có sự tương đồng về quy mô giảng viên, quy mô người học, trình độ và ngành đào tạo;

c) Đối tác có sự vượt trội về các nội dung đối sánh;

d) Đối tác sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.

2. Tiêu chí lựa chọn đối tác đối sánh nước ngoài

a) Cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo uy tín trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới mà Trường có ký kết, hợp tác, hoặc theo đề xuất của các bộ môn, khoa, viện;

b) Có cơ cấu giáo dục tương đồng; cùng lĩnh vực đào tạo;

c) Đối tác sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.

Điều 7. Nội dung hoạt động đối sánh nội bộ

1. Về đội ngũ giảng viên

a) Số lượng giảng viên toàn Trường;

b) Tỷ lệ giảng viên có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ;

c) Tỷ lệ sinh viên/giảng viên.

2. Về đào tạo

a) Quy mô tuyển sinh; quy mô đào tạo; điểm chuẩn tuyển sinh;

b) Tỷ lệ chương trình đào tạo đạt kiểm định chất lượng theo các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế;

c) Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn và quá hạn (trên tổng số người nhập học);

d) Tỷ lệ thôi học hằng năm;

đ) Tỷ lệ người học có việc làm trong vòng 01 năm và trong vòng 03 năm sau khi tốt nghiệp;

e) Tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với ngành đào tạo trong vòng 01 năm và trong vòng 03 năm sau khi tốt nghiệp;

g) Mức độ hài lòng của các bên liên quan.

3. Về nghiên cứu khoa học và đối ngoại

- a) Số lượng đề tài các cấp theo từng loại hình nghiên cứu của giảng viên và sinh viên;
- b) Số lượng đề tài của sinh viên được giải thưởng các cấp;
- c) Số lượng các công bố khoa học trong nước và tỉ lệ các công bố được tính điểm trên tổng số công bố trong nước;
- d) Số lượng các công bố khoa học quốc tế và tỷ lệ các công bố được tính điểm trên tổng số công bố quốc tế;
- đ) Số lượng báo cáo, bài viết tại hội thảo khoa học trong nước và quốc tế;
- e) Số lượng giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo, hướng dẫn được xuất bản trong nước và quốc tế;
- g) Số lượng các phát minh, sáng chế, loại hình sở hữu trí tuệ khác được công nhận, bảo hộ;
- h) Số nhóm nghiên cứu/nghiên cứu mạnh;
- i) Ngân sách, kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học;
- k) Tỉ lệ giảng viên hoàn thành định mức nghiên cứu khoa học;
- l) Quy mô, các lĩnh vực, nội dung hợp tác trong nước và quốc tế;
- m) Số chương trình liên kết, hợp tác đào tạo; chương trình trao đổi. Tỉ lệ các cam kết, thoả thuận, ghi nhớ được triển khai;
- n) Số lượng, kinh phí từ hợp tác nghiên cứu khoa học với các đối tác và được chuyển giao cho các đối tác.

4. Về hoạt động phục vụ cộng đồng

- a) Số đợt/lượt người tham gia các hoạt động thiện nguyện;
- b) Số đợt/lượt người tham gia hoạt động tư vấn tuyển sinh, tư vấn và giới thiệu việc làm cho người học;
- c) Mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng;
- d) Kinh phí chi hỗ trợ, phục vụ cộng đồng;
- đ) Kinh phí hỗ trợ cho sinh viên từ các nhà tài trợ và Nhà trường.

Điều 8. Nội dung hoạt động đối sánh ngoài

1. Kết quả đào tạo

a) Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn và quá hạn (trên tổng số người nhập học);

b) Tỷ lệ thôi học hằng năm;

c) Tỷ lệ sinh viên có việc làm trong vòng 01 năm và trong vòng 03 năm sau khi tốt nghiệp;

d) Tỷ lệ sinh viên có việc làm phù hợp với ngành đào tạo trong vòng 01 năm và trong vòng 03 năm sau khi tốt nghiệp.

2. Kết quả nghiên cứu khoa học

a) Số lượng, chất lượng đề tài nghiên cứu khoa học các cấp của giảng viên và sinh viên;

b) Số lượng đề tài được giải thưởng cấp Quốc gia, cấp Bộ của sinh viên;

c) Số lượng hợp tác nghiên cứu khoa học với các đối tác;

d) Số lượng giải pháp hữu ích, văn bằng sáng chế, sở hữu trí tuệ được công nhận.

3. Kết quả công bố khoa học

a) Số lượng các công bố khoa học trong nước;

b) Số lượng các công bố khoa học quốc tế;

c) Số lượng báo cáo, bài viết tại hội thảo trong nước và quốc tế;

d) Số lượng giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo, hướng dẫn được xuất bản trong nước và quốc tế.

4. Kết quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng

a) Số lượt người tham gia các hoạt động thiện nguyện;

b) Các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho sinh viên.

5. Kết quả tài chính

a) Tổng nguồn thu của Nhà trường;

b) Nguồn thu từ dịch vụ đào tạo;

c) Nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Chương III QUY TRÌNH ĐỐI SÁNH

Điều 9. Quy trình hoạt động đối sánh nội bộ

1. Bước 1: Căn cứ Kế hoạch hoạt động Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học của Trường, các đơn vị được phân công thực hiện đối sánh, thu thập số liệu của năm học đối với các nội dung đối chiếu nội bộ.

Thời hạn hoàn thành: Tháng 8 hằng năm.

2. Bước 2: Trên cơ sở thông tin, số liệu đã thu thập được, các đơn vị xây dựng báo cáo đối sánh nội bộ của các lĩnh vực, trong đó bao gồm các số liệu/tỷ lệ, phân tích nguyên nhân, đánh giá hiện trạng, xu hướng qua các năm và đề xuất kế hoạch hành động, đối chiếu với mục tiêu chiến lược, kế hoạch công tác năm học của Trường và đơn vị.

Nộp bản Báo cáo đối sánh nội bộ về Nhà trường (qua Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục), gửi bản mềm Báo cáo đối sánh kèm bảng số liệu vào hộp thư phongdbclgd@qbu.edu.vn.

Thời hạn hoàn thành: Tháng 8 hằng năm.

3. Bước 3: Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo đối sánh nội bộ cấp Trường.

4. Bước 4: Tổ chức cuộc họp hoặc gửi dự thảo Báo cáo đối sánh nội bộ đến các bên liên quan để nhận ý kiến đóng góp. Báo cáo đối sánh phải xác định được giải pháp cải tiến tiếp theo nhằm nâng cao chất lượng.

Thời hạn hoàn thành: Tháng 9 hằng năm.

5. Bước 5: Tổng hợp, trình Hiệu trưởng phê duyệt Báo cáo đối sánh nội bộ.

Thời hạn hoàn thành: Tháng 10 hằng năm.

Điều 10. Quy trình hoạt động đối sánh ngoài

1. Bước 1. Căn cứ Kế hoạch hoạt động Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học của Trường, nguyên tắc thực hiện đối sánh và các hình thức đối sánh tại Quy định này, các đơn vị được giao nhiệm vụ đối sánh, tham mưu, đề xuất lựa chọn đối tác trong nước và nước ngoài cần đối sánh và cách thức thu thập số liệu.

Thời hạn hoàn thành: Tháng 7 hằng năm.

2. Bước 2: Hiệu trưởng xem xét, quyết định đối tác đối sánh ngoài.

3. Bước 3: Các đơn vị liên hệ với các đối tác về việc thực hiện đối sánh ngoài; kết nối, trao đổi với các đơn vị chức năng của đối tác.

Thời hạn hoàn thành: Tháng 7 hằng năm.

4. Bước 4. Sau khi trao đổi thống nhất với đối tác, các đơn vị thực hiện việc xây dựng Báo cáo đối sánh ngoài của các lĩnh vực, trong đó bao gồm các số liệu/tỷ lệ, phân tích nguyên nhân, đánh giá hiện trạng và xu hướng, đối chiếu với mục tiêu chiến lược, kế hoạch công tác năm học của Trường.

Nộp bản Báo cáo đối sánh ngoài về Nhà trường (qua Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục), gửi bản mềm Báo cáo đối sánh kèm bảng số liệu vào hộp thư phongdbclgd@qbu.edu.vn.

Thời hạn hoàn thành: Tháng 8 hằng năm.

Bước 5: Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục tổng hợp Báo cáo đối sánh ngoài của các đơn vị, xây dựng Báo cáo đối sánh ngoài của Trường; tham mưu tổ chức phiên họp với các đơn vị liên quan về các nội dung đối sánh và dự thảo báo cáo đối sánh ngoài; tiếp thu, tổng hợp ý kiến tại cuộc họp, hoàn thiện Báo cáo đối sánh ngoài và trình Hiệu trưởng phê duyệt Báo cáo đối sánh ngoài của Trường.

Thời hạn hoàn thành: Tháng 9 và 10 hằng năm.

Điều 11. Cải tiến sau hoạt động đối sánh

1. Hằng năm, căn cứ kết quả đối sánh, các đơn vị xây dựng kế hoạch cải tiến các nội dung cần thiết trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Thời hạn hoàn thành: Tháng 11 hằng năm.

2. Các đơn vị tổ chức thực hiện kế hoạch cải tiến đã được phê duyệt.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong hoạt động đối sánh chất lượng giáo dục

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo thống nhất, toàn diện đối với hoạt động đối sánh chất lượng giáo dục.

2. Trách nhiệm của Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục

a) Xây dựng kế hoạch đối sánh chất lượng các chương trình đào tạo, chất lượng các hoạt động của Trường đảm bảo các nội dung theo đúng yêu cầu;

b) Đầu mối triển khai đối sánh chất lượng giáo dục các hoạt động của Trường;

c) Chủ trì triển khai lựa chọn, xác định đối tác để thực hiện đối sánh chất lượng các hoạt động của Trường;

d) Thực hiện việc đối sánh chất lượng hoạt động của Trường về lĩnh vực đảm bảo chất lượng giáo dục; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra;

đ) Thu thập dữ liệu đối sánh từ các đơn vị làm cơ sở xây dựng báo cáo kết quả hoạt động đối sánh chất lượng các hoạt động của Trường.

3. Trách nhiệm của Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động đối sánh chất lượng các chương trình đào tạo và hoạt động đào tạo đảm bảo các tiêu chí tại Điều 7, Điều 8 của Quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện việc đối sánh chất lượng các chương trình đào tạo và hoạt động đào tạo;

c) Thực hiện việc đối sánh chất lượng hoạt động của Trường về lĩnh vực đào tạo; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra;

d) Thực hiện việc đối sánh chất lượng hoạt động của Trường về lĩnh vực kết nối và phục vụ cộng đồng đảm bảo các tiêu chí tại Điều 7, Điều 8 của Quy định này; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu, đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra;

đ) Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc đối sánh các chương trình đào tạo.

4. Trách nhiệm của Phòng Tổ chức - Hành chính

a) Thực hiện việc đối sánh chất lượng hoạt động của Trường về đội ngũ giảng viên đảm bảo các tiêu chí tại Điều 7 của Quy định này; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra;

b) Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc đối sánh các chương trình đào tạo.

5. Trách nhiệm của Phòng Khoa học công nghệ - Đối ngoại và Học liệu

a) Thực hiện việc đối sánh chất lượng hoạt động của Trường về lĩnh vực nghiên cứu khoa học, đối ngoại đảm bảo các tiêu chí tại Điều 7, Điều 8 của Quy định này; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra;

b) Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc đối sánh các chương trình đào tạo.

6. Trách nhiệm của Phòng Kế hoạch, Tài chính và Quản lý đầu tư

a) Thực hiện việc đối sánh chất lượng hoạt động của Trường về lĩnh vực tài chính đảm bảo các tiêu chí tại Điều 7, Điều 8 của Quy định này; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra;

b) Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc đối sánh các chương trình đào tạo.

7. Trách nhiệm của các khoa, viện

a) Thu thập thông tin đối sánh từ các đối tác được lựa chọn;

b) Thực hiện việc đối sánh chất lượng các chương trình đào tạo do khoa, viện quản lý hoặc theo chỉ đạo của Hiệu trưởng đảm bảo các tiêu chí tại Điều 7, Điều 8 của Quy định này; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra.

8. Các đơn vị khác trong Trường

Có trách nhiệm cung cấp các thông tin cần thiết theo yêu cầu của đơn vị chủ trì để thực hiện việc đối sánh.

Điều 13. Bảo mật dữ liệu

1. Tất cả các thông tin, số liệu đối sánh phải được bảo mật, sử dụng theo kế hoạch được phê duyệt.

2. Các tài liệu gốc của từng đợt đối sánh phải được niêm phong và lưu giữ theo quy định của Trường.

3. Các đơn vị, cá nhân không được cung cấp số liệu đối sánh cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khi chưa có sự cho phép của Hiệu trưởng.

Điều 14. Hiệu lực của văn bản

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh hoặc phát hiện những điểm chưa phù hợp, các đơn vị có thể trao đổi, gửi góp ý về Nhà trường (qua Phòng Tổ chức - Hành chính) để tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.